

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 03/8/2022

“Về việc xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Ngọc Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chân và ông Nguyễn Tiên Tịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 03/8/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/02/2022 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1996 – Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thôn X, xã Đ, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Anh Lê Văn N, sinh năm 1992 – Vắng mặt, đã niêm yết hợp lệ;

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 08/02/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày: Chị và anh Lê Văn N kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông là hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống có 2 con chung là Lê Ái V, sinh ngày 09/4/2015 và Lê Ái Ngh, sinh ngày 15/11/2016. Về nguyên nhân mâu thuẫn chị làm

đơn xin ly hôn với anh N là do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, cả hai đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, tình trạng vợ chồng không còn duy trì, hôn nhân không đạt được mục đích. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lê Văn N.

Về con chung: Trong thời gian ly thân, chị đang nuôi dưỡng cháu Lê Ái V, anh N đang nuôi dưỡng cháu Lê Ái Ngh, do đó chị yêu cầu Tòa án tiếp tục giao cháu Vy cho chị nuôi dưỡng; giao cháu Ngh cho anh N nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Văn N:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng anh Lê Văn N theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh N vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 10/6/2022, chị Trần Thị L vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong đơn khởi kiện và quan điểm đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chị Trần Thị L đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Lê Văn N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị L, xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Lê Văn N; về con chung, giao cháu Lê Ái V, sinh ngày 09/4/2015 cho chị Ly nuôi dưỡng; giao cháu Lê Ái Ngh, sinh ngày 15/11/2016 cho anh N nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu nên không giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí, buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Lê Văn N, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn, anh Lê Văn N có đăng ký hộ khẩu và hiện trú tại thôn X, xã Đ, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Trần Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Lê Văn N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Lê Văn N kết hôn với nhau năm 2014. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng vợ chồng không có biện pháp giải quyết hòa giải, cả hai bên sống thiếu niềm tin và trách nhiệm với nhau dẫn đến mâu thuẫn trở nên trầm trọng, hậu quả dẫn đến cả hai đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, hiện cả hai không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau, chị Ly và anh N đã vi phạm nguyên tắc quyền, Ngh vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân không đạt được mục đích, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Trần Thị L ly hôn với anh Lê Văn N là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Trong thời gian ly thân đến thời điểm xét xử, chị Ly là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Ái V; anh N là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Ái Ngh. Do đó, để đảm bảo cho các cháu ổn định cuộc sống, cần tiếp tục giao cháu Vy cho chị Ly nuôi dưỡng, giao cháu Ngh cho anh N nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp. Các đương sự được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, Điều 110 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn với anh Lê Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Ái V, sinh ngày 09/4/2015 cho chị Trần Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Giao cháu Lê Ái Ngh, sinh ngày 15/11/2016 cho anh Lê Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Ngh vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Ngh vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, Điều 110 và Điều 119 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc “*Ly hôn*”, được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000760 ngày 17/02/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Đắk Sắk, huyện Đắk Sắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trương Ngọc Thanh